

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20/10/2023 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2048/TTr-STP ngày 01/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 và Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị trái với quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NC_T.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Xác nhận thông tin hộ tịch 2.002516.000.00.00.H50 (Cấp tỉnh, cấp huyện)	03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/ trực tuyến/ BCCI	Phí: 8.000 đồng/Vấn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.	Bổ sung căn cứ pháp lý

2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch 2.000635.000.00.00.H50 (Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/ trực tuyến/ BCCI	Phí: 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. 	Bổ sung căn cứ pháp lý
---	--	--	--	-----------------------------------	--	--	------------------------

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Xác nhận thông tin hộ tịch 2.002516.000.00.00.H50 (cấp tỉnh, cấp huyện)	03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/trực tuyến/BCCI	Phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ	Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p>sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. 	
2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch 2.000635.000.00.00.H50 (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/trực tuyến/BCCI	Phí: 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, 	Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p><i>đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. 	
3	<p>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài 2.000528.000.00.00.H50</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ 	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

						<p>Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
4	<p>Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài 2.000806.000.00.00.H50</p>	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp: 1.200.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 960.000 đồng/trường hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; 	- Bổ sung căn cứ pháp lý

						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
5	<p>Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài 1.001766.000.00.00.H50</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài 	- Bổ sung căn cứ pháp lý

					Tài chính.	<p>chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 2.000779.000.00.00.H50	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp: 1.200.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 960.000 đồng/trường hợp - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; 	- Bổ sung căn cứ pháp lý

					<p>BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị;</p> <p>- Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>		
7	<p>Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài 1.001669.000.00.00.H50</p>	<p>- 05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ;</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Trực tiếp/ Trực tuyến/ Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí:</p> <p>- Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp;</p> <p>- Trực tuyến: 40.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Phí cấp bản sao</p>	<p>- Bộ Luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP</p>	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

					<p>Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<p>ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>	
8	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài 2.000756.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí: - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/</p>	<p>- Bộ Luật Dân sự 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p>	- Bổ sung căn cứ pháp lý

				<p>trường hợp; - Trục tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
--	--	--	--	--	---

9	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc 2.000748.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 25.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 20.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của 	- Bổ sung căn cứ pháp lý
---	--	---	---	--	---	--	--------------------------

						Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 2.002189.000.00.00.H50	12 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính	Lệ phí: - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ	- Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p>Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 2.000554.000.00.00.H50	12 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ 	- Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p>Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
12	<p>Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) 2.000547.000.00.00.H50</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc. 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP</i> 	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

					<p>định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<p>ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
13	<p>Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài 2.000522.000.00.00.H50</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày . 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp; 	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

					<p>tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
14	<p>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân 1.000893.000.00.00.H50</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí: - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ- 	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

					<ul style="list-style-type: none"> - Trục tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các
--	--	--	--	--	--	---

						<p>khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>	
15	<p>Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài 2.000513.000.00.00.H50</p>	<p>- 05 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Trực tiếp/Trực tuyến</p>	<p>Lệ phí: - Trực tiếp: 1.200.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 960.000 đồng/trường hợp</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</p>	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
16	<p>Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài 2.000497.000.00.00.H50</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 5 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 50.000 đồng/trường hợp; - Trực tuyến: 40.000 đồng/trường hợp. <p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; 	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

						<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính ;- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;- Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị;- Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	
--	--	--	--	--	--	--	--

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch 2.000635.000.00.00.H50 (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/trực tuyến/BCCI	Phí: 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-	Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p>BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</p>	
2	<p>Đăng ký khai sinh 1.001193.000.00.00.H50</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí:</p> <p>- Trực tiếp/ Qua dịch vụ bưu chính: 5.000 đồng/ trường hợp.</p> <p>- Trực tuyến: 4.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i></p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-</p>	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

						<p>BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
3	<p>Đăng ký kết hôn 1.000894.000.00.00.H50</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>Trực tiếp/Trực tuyến</p>	<p>Lệ phí: Không</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p><i>pháp;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị. 	
4	<p>Đăng ký nhận cha, mẹ, con 1.001022.000.00.00.H50</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>Trực tiếp/Trực tuyến</p>	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp: 10.000 đồng/ trường hợp. - Trực tuyến: 8.000 đồng/trường hợp <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT- 	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

					14/11/2016 của Bộ Tài chính.	<p>BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
5	Đăng ký khai tử 1.000656.000.00.00.H50	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/Trực tuyến/ Qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 5.000 đồng/ trường hợp. - Trực tuyến: 4.000 đồng/trường hợp. <p>Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT- 	- Bổ sung căn cứ pháp lý

					<p>người khuyết tật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<p>BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
6	<p>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới 1.000110.000.00.00.H50</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>Trực tiếp/Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 5.000đ/ trường hợp. - Trực tuyến: 4.000 đồng/trường hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ- 	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

					<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
7	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc - Trường hợp cần 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Trực tiếp/Trực	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình 2014; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung căn cứ pháp lý

	biên giới 1.000094.000.00.00.H50	xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	quả UBND cấp xã	tuyên		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị. 	
8	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới 1.000080.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> - 07 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/Trực tuyến	Lệ phí: - Trực tiếp: 10.000 đồng/ trường hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- 	- Bổ sung căn cứ pháp lý

		không quá 12 ngày làm việc.			<ul style="list-style-type: none"> - Trực tuyến: 8.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của 	
--	--	-----------------------------	--	--	---	--	--

						Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	
9	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới 1.004827.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/ Qua dịch vụ bưu chính: 5.000 đồng/ trường hợp. - Trực tuyến: 4.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ- 	- Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p>HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị;</p> <p>- Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>	
10	<p>Đăng ký giám hộ 1.004837.000.00.00.H50</p>	3 ngày làm việc	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>Trực tiếp/ Trực tuyến/qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí: Không</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i></p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-</p>	<p>- Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

						<p>BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị. 	
11	<p>Đăng ký chấm dứt giám hộ 1.004845.000.00.00.H50</p>	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/ Trực tuyến/qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí: Không</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài 	- Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p>chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị. 	
12	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch 1.004859.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/Trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/ Qua dịch vụ bưu chính: 10.000 đồng/ trường hợp. - Trực tuyến: 8.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT- 	Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p>BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
13	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 1.004873.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc; - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/ Qua dịch vụ bưu chính: 10.000 đồng/trường hợp. - Trực tuyến: 8.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp; 	Bổ sung căn cứ pháp lý

						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
14	Đăng ký lại khai sinh 1.004884.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày . 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/ Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp/ Qua dịch vụ bưu chính: 5.000 đồng/ trường hợp. - Trực tuyến: 4.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp; 	Bổ sung căn cứ pháp lý

					<p>hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
15	<p>Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân 1.004772.000.00.00.H50</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc. - Trường hợp cần phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>Trực tiếp/Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Lệ phí: - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 5.000 đồng/trường hợp. - Trực tuyến: 4.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ- 	<p>Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

					<p>đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các 	
--	--	--	--	--	--	--	--

						<p>khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>	
16	<p>Đăng ký lại kết hôn 1.004746.000.00.00.H50</p>	<p>- 05 ngày làm việc. - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>Trực tiếp/Trực tuyến</p>	<p>Lệ phí: - Trực tiếp: 20.000 đồng/ trường hợp. - Trực tuyến: 16.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đối với: Người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm</p>	<p>Bổ sung căn cứ pháp lý</p>

						2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	
17	Đăng ký lại khai tử 1.005461.000.00.00.H50	- 05 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp/Trực tuyến/Qua dịch vụ bưu chính	Lệ phí: - Trực tiếp/Qua dịch vụ bưu chính: 5.000 đồng/ trường hợp. - Trực tuyến: 4.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/08/2023 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ	Bổ sung căn cứ pháp lý

						<p>Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị; - Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 	
--	--	--	--	--	--	--	--

Tổng cộng: 35 TTHC (02 TTHC cấp tỉnh; 16 TTHC cấp huyện; 17 TTHC cấp xã)